

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2024.

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Phong

Ông Trần Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST - HN ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2024/QĐST-HN ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà B, sinh ngày 01/01/1964 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

ĐKTT: Số 104/3F, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Theo giấy kết hôn).

Nơi cư trú: Số 73/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông H, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà B trình bày:*

Bà và ông H chung sống với vào năm 2014 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/6/2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã không thể hàn gắn được. Bà và ông H không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hiện nay, bà xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Không có.

* Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do ông H không đến. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về Hôn nhân: Bà B và ông H chung sống với nhau vào năm 2014, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/6/2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã không thể hàn gắn được. Bà B và ông H đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành mời ông H để hòa giải nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không đến dự. Điều đó cho thấy ông H không còn thiết tha đối với mối quan hệ hôn nhân với bà B, chứng tỏ hôn nhân giữa bà B và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Bà B khai không có, nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Bà B khai không có, nên không xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông H. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 16/6/2014 của UBND xã Đ, huyện B chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.
4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, buộc bà B phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000545 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Đ, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng